PHILIPS

GC360, GC361
GC362, GC363



EN	**User manual**	TC	**使用手冊**
MS	**Manual pengguna**	SC	**用户手册**
TH	**คู่มือผู้ใช**	KO	**사용 설명서**
VI	**Hướng dẫn sử dụng**		

 3

 6

 7

 14

 17

 20

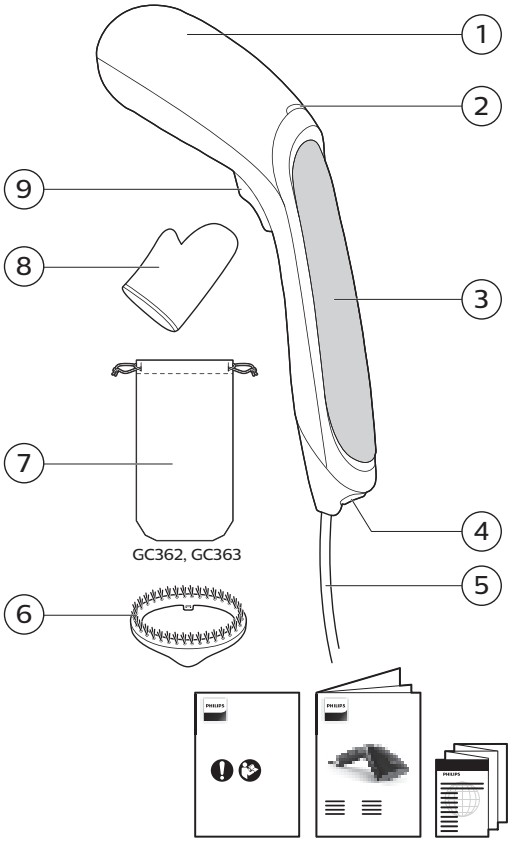
 21

 23

 26

 42




1
2
9
8
3
7
4
5
6
GC362, GC363

EN

1. Steamer head
2. Steam ready light
3. Water tank
4. Power button
5. Power cord
6. Brush
7. Heat-resistant bag (GC362, GC363)
8. Glove
9. Steam trigger button

TH

1. หัวพ่นไอน้ำ
2. ไฟแสดงไอน้ำพร้อมใช้งาน
3. แท้งค์น้ำ
4. ปุ่มเปิด/ปิด
5. สายไฟ
6. แปรง
7. กระเป๋าทนความร้อน (GC362, GC363)
8. ถุงมือ
9. ปุ่มเพิ่มพลังไอน้ำ

MS

1. Kepala penstim
2. Lampu stim sedia
3. Tangki air
4. Butang kuasa
5. Kord kuasa
6. Berus
7. Beg tahan panas (GC362, GC363)
8. Sarung tangan
9. Picu stim

VI

1. Đầu bàn ủi hơi
2. Đèn báo hơi nước sẵn sàng
3. Ngăn chứa nước
4. Nút nguồn
5. Dây điện
6. Bàn chải
7. Túi chịu nhiệt (GC362, GC363)
8. Găng tay
9. Nút bấm hơi nước

TC

① 蒸氣噴頭
② 蒸氣就緒指示燈
③ 水箱
④ 電源按鈕
⑤ 電源線
⑥ 刷子
⑦ 耐熱袋 (GC362、GC363)
⑧ 手套
⑨ 蒸氣觸動器按鈕

KO

① 스티머 헤드
② 스팀 준비 표시등
③ 물 탱크
④ 전원 버튼
⑤ 전원 코드
⑥ 브러시
⑦ 내열 가방(GC362, GC363)
⑧ 장갑
⑨ 스팀 버튼

SC

① 蒸汽喷头
② 蒸汽就绪指示灯
③ 水箱
④ 电源按钮
⑤ 电源线
⑥ 毛刷
⑦ 耐热袋
（GC362、GC363）
⑧ 手套
⑨ 蒸汽喷射按钮

EN Do not use your bare hand as a supporting surface when you steam.
Pull the sides of the garment to stretch it.
Do not place the steamer head on the power cord after use.

MS Jangan gunakan tangan anda sebagai sandaran semasa anda menstim pakaian.
Tarik sisi pakaian untuk menegangkannya.
Jangan letak kepala penstim pada kord kuasa selepas penggunaan.

TH อย่าใช้มือเปล่าในการรองพื้นผิวเมื่อคุณใช้ไอน้ำ
ดึงด้านข้างของเสื้อผ้าเพื่อยืดให้ตึง
ห้ามวางหัวพ่นไอน้ำไว้บนสายไฟหลังจากใช้งาน

VI Không dùng tay trần của bạn làm bề mặt đỡ khi ủi hơi.
Kéo căng vải ở góc.
Không đặt đầu bàn ủi hơi lên trên dây điện sau khi sử dụng.

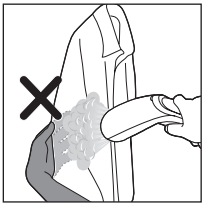
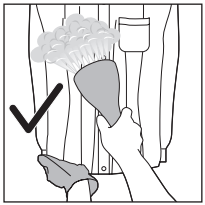
TC 進行蒸氣熨燙時，請勿直接以未受保護的手作為支撐平面。
拉扯衣物兩側，讓它展開攤平。
使用完畢後，切勿將蒸氣噴頭放在電源線上。

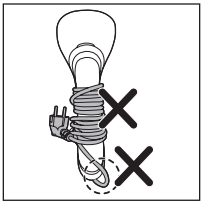
SC 熨烫时请不要用手作为支撑面。
拉紧衣物的侧边以将其展开。
切勿在使用后将蒸汽喷头放在电源线上。

KO 스팀 다리미를 사용할 때는 맨손으로 옷감을 잡지 마십시오.
옷감의 끝을 잡아당겨 펴십시오.
사용 후에는 스티머 헤드를 전원 코드 위에 올려 놓지 마십시오.







EN You can dewrinkle garments more easily if you spread the laundry properly after you have washed it. Hang the garments on hangers to dry them with fewer wrinkles.

MS Anda boleh menghilangkan kedutan pada pakaian dengan lebih mudah jika anda menyidai pakaian dengan betul setelah dibasuh. Gantung pakaian pada penyangkut untuk mengeringkannya dengan kedutan yang sedikit.

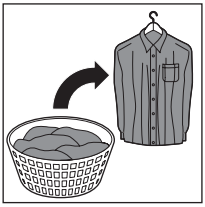
TH คุณสามารถขจัดรอยยับของเสื้อผ้าได้ง่ายยิ่งขึ้น หากคุณคลี่เสื้อผ้าอย่างเหมาะสมหลังจากที่ซักแล้ว แขวนเสื้อผ้าไว้บนไม้แขวนเสื้อเพื่อผึ่งให้แห้งโดยไม่ทำให้มีรอยยับมาก

VI Bạn có thể loại bỏ nếp nhăn trên quần áo dễ dàng hơn nếu giũ quần áo đúng cách sau khi giặt. Treo quần áo lên để phơi khô quần áo giúp giảm nếp nhăn.

TC 如果您在洗濯衣物之後將它妥善攤平，就可更輕鬆地整平衣物皺痕。用衣架吊掛衣物也可減少衣服風乾後的皺摺。

SC 如果在洗衣后正确展开衣物，您为衣物除皱将会更轻松。将衣物悬挂在衣架上晾干以减少褶皱。

KO 의류를 세탁한 후 쫙 펴서 말리면 스티머로 주름을 펴기가 더 쉽습니다. 의류에 주름이 덜 가도록 옷걸이에 세탁물을 걸어서 말리십시오.



EN When you are steaming, **press** the steamer head against the garment and **pull** the sides of the garment with your other hand to **stretch** it.

MS Apabila anda menstim, **tekan** kepala penstim pada pakaian dan **tarik** sisi pakaian dengan tangan yang satu lagi untuk **menegangkannya**.

TH เมื่อคุณกำลังใช้เครื่องพ่นไอน้ำ ให้**กด**หัวพ่นไอน้ำแนบกับเนื้อผ้า และ**ดึง**ด้านข้างของเสื้อผ้าด้วยมืออีกด้านหนึ่งเพื่อ**ยืด**ให้ตึง

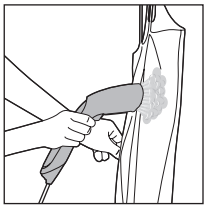
VI Khi bạn ủi hơi, **hãy ấn** đầu bàn ủi hơi lên vải và **cầm** các góc quần áo bằng tay còn lại, sau đó **kéo căng** vải.

TC 進行蒸氣熨燙時，請將蒸氣噴頭**靠在**衣物上，並且用另一隻手**拉住**衣物兩側，使其**展開攤平**。

SC 当进行蒸汽熨烫时，请将蒸汽喷头**按**在衣物上，并用另一只手**拉紧**衣物的侧边以将其**展开**。

KO 스팀을 분사할 때 스티머 헤드를 옷감에 대고 지긋이 **누르고** 다른 손으로는 옷감의 끝을 **잡아 당겨**줍니다.





EN For garments with buttons such as shirts, jackets and pants, close the first button to help straighten the fabric.

For shirt pockets, move the steamer head upwards while pressing against the fabric.

To steam sleeves, start from the shoulder area and move the steamer head downwards. Steam while you pull the sleeve diagonally down with the other hand.

For garment with collar, move the steamer horizontally along the collar.

Note: The appliance can be used for creating a natural look and for quick touch-ups. For garments with tough wrinkles and for a more formal look, it is recommended to use an iron in addition.

MS Untuk pakaian dengan butang seperti kemeja, jaket dan seluar, tutup butang pertama untuk meluruskan fabrik.

Untuk poket baju, gerakkan kepala penstim ke atas semasa menekannya pada fabrik.

Untuk menstim lengan baju, mula dari kawasan bahu dan gerakkan kepala penstim ke arah bawah. Stimkan apabila anda menarik lengan baju ke bawah dengan tangan lagi satu.

Untuk pakaian berkolar, gerakkan penstim secara mendatar sepanjang kolar.

Nota: Perkakas boleh digunakan untuk mewujudkan rupa yang semula jadi dan untuk kemasan segera. Untuk pakaian yang mempunyai kedutan kasar dan untuk mendapat rupa yang lebih formal, anda disyorkan untuk menggunakan seterika sebagai tambahan.

TH สำหรับเสื้อผ้าที่มีกระดุม เช่น เสื้อเชิ้ต แจ็คเก็ต และกางเกง ให้ติดกระดุมบนสุดเพื่อช่วยยืดผ้าให้ตึง

สำหรับกระเป๋าเสื้อเชิ้ต ให้เลื่อนหัวพ่นไอน้ำขึ้นด้านบนและรีดย้อนเนื้อผ้า

ในการรีดแขนเสื้อ ให้เริ่มจากบริเวณหัวไหล่ และเลื่อนหัวพ่นไอน้ำลงล่าง พ่นไอน้ำขณะที่คุณใช้มืออีกข้างหนึ่งดึงแขนเสื้อเป็นแนวทแยงมุมลงมา

สำหรับชุดที่มีคอเสื้อ ให้เลื่อนเครื่องพ่นไอน้ำไปในแนวนอนตามคอเสื้อ

หมายเหตุ: เครื่องชนิดนี้เหมาะสำหรับลุคที่ดูเป็นธรรมชาติและการรีดแก้ไขอย่างรวดเร็ว สำหรับเสื้อผ้ามีรอยยับมากๆ และลุคที่ดูเป็นทางการมากขึ้น ขอแนะนำให้ใช้เตารีดเสริมด้วย

VI Với quần áo có nút cài chẳng hạn như áo sơ-mi, áo vét và quần, hãy gài nút đầu tiên để giúp kéo thẳng vải.

Với túi áo sơ mi, hãy di chuyển đầu bàn ủi hơi lên trên đồng thời ấn vào vải.

Để ủi hơi tay áo, hãy bắt đầu từ vùng vai và di chuyển đầu bàn ủi hơi xuống dưới. Ủi trong khi bạn dùng tay còn lại kéo tay áo chéo xuống.

Với áo có cổ, hãy di chuyển bàn ủi hơi theo chiều ngang dọc theo cổ áo.

Lưu ý: Thiết bị có thể được dùng để ủi nhanh và mang lại vẻ ngoài tự nhiên cho quần áo. Đối với quần áo có nếp nhăn khó xử lý và cho vẻ ngoài trang trọng hơn, chúng tôi khuyên bạn sử dụng thêm bàn ủi.

TC 對於有鈕扣的衣物，例如襯衫、外套及褲子，扣上第一顆鈕扣有助於拉平布料。

針對襯衫口袋，請將蒸氣噴頭靠在布料上並向上移動。

如要蒸燙袖子，請由肩部開始並將蒸氣噴頭向下移動。一邊熨燙，一邊用另一隻手將袖子往對角線方向往下拉。

針對有領子的衣物，請沿著衣領水平移動蒸氣機。

備註：本產品可用於創造自然效果，並且迅速整飾衣物。如需處理衣物頑強皺痕，
或是需要更正式的造型，建議您另以熨斗加強效果。

SC 对于带纽扣的衣物（例如衬衣、夹克和裤子），请扣上第一颗扣子，以使衣物更挺直。

对于衬衣口袋，请将蒸汽喷头按在衣物上，同时向上移动。

要对袖子进行蒸汽熨烫，请从肩膀区域开始，并向下移动蒸汽喷头。熨烫的同时，请用另一只手沿对角线向下拉衣袖。

对于带衣领的衣物，沿着领口水平移动蒸汽挂烫机。

注：本产品用于打造自然造型和快速修整。对于具有顽固褶皱的衣物和更正式的造型，建议您使用电熨斗。

KO 셔츠, 재킷, 바지 등 단추가 달린 옷은 다림질하기 쉽도록 첫 번째 단추를 잠급니다.

셔츠 주머니는 스티머 헤드를 옷감에 대고 누르면서 위쪽으로 이동합니다.

소매를 다리려면 스티머 헤드를 어깨 부분에서부터 시작해 아래쪽으로 이동합니다. 다른 손으로 소매를 대각선 아래로 잡아당기면서 다림질합니다.

칼라 쪽은 칼라를 따라 스티머를 수평으로 이동합니다.

참고: 이 제품을 사용하면 빠른 손질은 물론 자연스러운 연출이 가능합니다. 구김이 심한 옷감이나 격식을 갖춘 의복에는 추가로 일반 다리미를 사용하는 것이 좋습니다.



EN Keep the steamer head a slight distance away from dresses with frills, ruffles, ruching or sequins. Use only the steam to loosen the fabric. You can also steam from the inside.

MS Jauhkan kepala penstim dari pakaian dengan ropol atau labuci. Gunakan stim sahaja untuk melonggarkan fabrik. Anda juga boleh menstim daripada belah dalam.

TH รักษาระยะห่างเล็กน้อยระหว่างหัวพ่นไอน้ำจากจีบ กลีบ ลูกไม้ หรือเครื่องประดับโลหะ ใช้เพียงไอน้ำเพื่อทำให้เนื้อผ้าคลายตัว คุณสามารถพ่นไอน้ำจากด้านในของเสื้อผ้าได้

VI Giữ đầu bàn ủi hơi cách xa một chút với váy có diềm xếp nếp, trang trí xếp nếp hoặc trang trí kim sa, kim tuyến. Chỉ sử dụng hơi nước để kéo giãn vải. Bạn cũng có thể ủi mặt trong của quần áo.

TC 蒸氣噴頭應與洋裝荷葉邊、波浪褶、百葉褶或亮片保持些許距離。蒸氣只能用來讓這些布料更蓬鬆。您也可以從衣服內面進行蒸氣熨燙。

SC 对于带有装饰、褶边、褶饰或亮片的女装，请将蒸汽喷头与裙子保持较短的距离。请仅使用蒸汽来松散织物。您也可以由内侧用蒸汽熨烫衣物。

KO 프릴, 주름 장식, 루시 장식 또는 스팽글 장식이 달린 원피스의 경우는 스티머 헤드를 원피스에서 약간 떨어진 곳에서 잡습니다. 옷감이 펴질 정도로만 소량의 스팀을 분사하십시오. 옷 안쪽에서부터 스팀을 분사할 수도 있습니다.





EN Garment may be placed on a horizontal surface (e.g. ironing board, sofa, mattress) to make crisp pleats on sleeves and pants and better remove creases on difficult areas such as shirt collar or cuffs.

MS Pakaian boleh diletakkan di atas permukaan mendatar (cth. papan seterika, sofa, tilam) untuk membuat lisu pada lengan baju dan seluar serta melicinkan kedutan dengan lebih baik pada kawasan sukar seperti kolar baju atau manset.

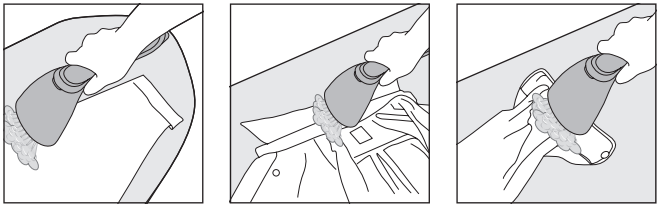
TH อาจวางเสื้อผ้าบนพื้นผิวระนาบ (เช่น โต๊ะรองรีด โซฟา ที่นอน) เพื่อรีดรอยจีบแขนเสื้อและกางเกง รวมถึงขจัดรอยยับในบริเวณที่รีดยากได้ดีขึ้น เช่น ปกเสื้อเชิ้ต หรือบริเวณข้อมือ

VI Nên đặt vải trên bề mặt nằm ngang (như ván ủi, ghế sofa, đệm) để giữ các nếp gấp trên ống tay áo và quần ngay ngắn, đồng thời giúp ủi phẳng tốt hơn các vết nhăn trên những khu vực khó ủi như cổ áo hay cổ tay áo sơ-mi.

TC 請將衣物平放於水平表面上 (例如熨燙板、沙發、床墊)，以便在袖子和褲子上熨燙出平整的褶線，如此也能更有效燙平衣領或袖口等困難之處的皺褶。

SC 可将衣物置于水平面（例如烫衣板、沙发、床垫）上，以便在袖筒和裤筒上形成笔挺的褶缝，并更好地去除衬衣衣领、袖口等难以清洁区域的油脂。

KO 옷을 평평한 곳(예: 다리미대, 소파, 매트리스)에 올려놓으면 소매와 바지에 칼주름을 넣고 셔츠 옷깃과 소매단 등 닿기 힘든 부분의 주름을 효과적으로 제거할 수 있습니다.



EN For more tips on how to steam different types of garments, please visit **www. philips.com/garmentsteamers**.

MS Untuk mendapatkan petua selanjutnya berkenaan cara menstim pelbagai jenis pakaian, sila lawati **www. philips.com/garmentsteamers**.

TH สำหรับเคล็ดลับเพิ่มเติมเกี่ยวกับวิธีการรีดเสื้อผ้าชนิดต่างๆ ด้วยพลังไอน้ำ โปรดเยี่ยมชม **www. philips.com/garmentsteamers**.

VI Để biết các mẹo về cách ủi hơi những loại quần áo khác nhau, vui lòng truy cập **www. philips.com/garmentsteamers**.

TC 針對各類衣物的蒸氣熨燙方法，若想取得更多秘訣，請造訪 **www. philips.com/garmentsteamers**。

SC 有关如何对不同类型的衣服进行蒸气熨烫的更多提示，请访问 **www. philips.com/garmentsteamers**。

KO 다양한 옷감을 스팀 다림질하는 방법에 대한 더 많은 정보를 보시려면 **www. philips.com/garmentsteamers**를 방문하십시오.



EN Your appliance has been designed to be used with tap water.

Warning: Do not add perfume, water from tumble dryer, vinegar, magnetically treated water (e.g., Aqua+), starch, descaling agents, ironing aids, chemically descaled water or other chemicals as they may cause water spitting, brown staining or damage to your appliance.

MS Perkakas anda telah direka bentuk untuk digunakan dengan air paip.

Amaran: Jangan tambahkan minyak wangi, air mesin pengering, cuka, air yang dirawat secara magnet (misalnya, Aqua+), kanji, agen penanggal kerak, bahan bantu penyeterikaan, air yang dinyahkerak secara kimia atau bahan kimia lain kerana ini boleh menyebabkan air berdetus, kesan kotoran perang atau kerosakan pada perkakas anda.

TH เครื่องของคุณได้รับการออกแบบมาเพื่อใช้งานกับน้ำประปา

คำเตือน: อย่าใส่น้ำหอม น้ำจากเครื่องอบผ้า น้ำส้มสายชู น้ำที่เป็นผลจากพลังงานแม่เหล็ก (เช่น Aqua+) แป้ง น้ำยาขจัดคราบตะกรัน น้ำยารีดผ้าเรียบ ผลิตภัณฑ์สำหรับการรีดผ้าหรือสารเคมีอื่นๆ เนื่องจากอาจทำให้น้ำกระเด็น เกิดคราบสีน้ำตาล หรือทำให้เครื่องเสียหายได้

VI Thiết bị của bạn đã được thiết kế để sử dụng nước máy.

Cảnh báo: Không thêm nước hoa, nước từ máy sấy đảo, giấm, nước đã khử từ tính (ví dụ: Aqua+), hồ vải, chất làm sạch cặn, chất phụ trợ ủi, nước đã được tẩy sạch bằng hóa chất hoặc các hóa chất khác do các chất này có thể gây tình trạng phun nước, ô vàng hoặc làm hỏng thiết bị của bạn.

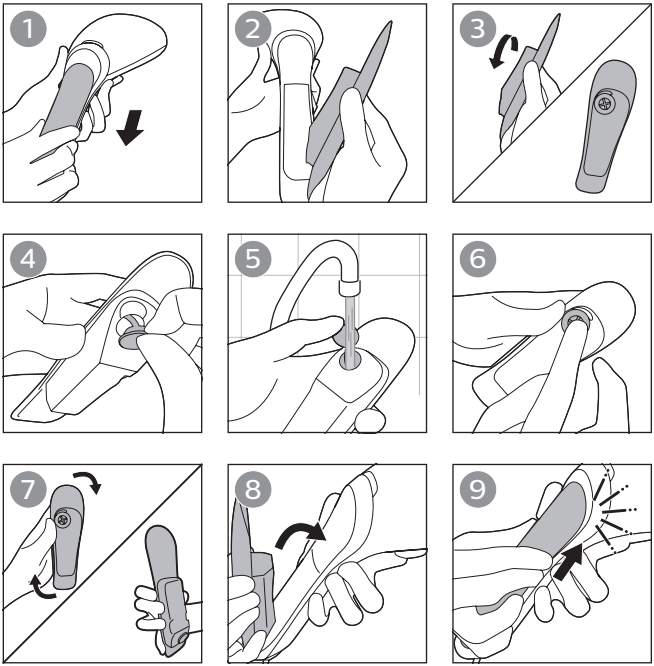
TC 本產品的設計是使用自來水。

警告：請勿添加香水、滾筒式烘乾機的水、醋、磁化水 (例如 Aqua+)、燙衣漿、除垢劑、熨燙添加劑、經化學除垢的水或其他化學物質，否則可能造成水噴濺溢漏、產生棕色汙漬或損壞產品。

SC 根据设计，您的产品适用自来水。

警告：请勿加入香水、转筒式干燥机中的水、醋、磁处理水（例如 Aqua+）、淀粉、除垢剂、熨衣剂、化学除垢水或其他化学物质，这些会造成喷水、留下棕色污渍或损坏产品。

KO 이 제품은 수돗물을 사용하도록 제작되었습니다.
경고: 다리미에 향수, 회전식 건조기의 물, 식초, 자기처리수 (예: Aqua+), 풀, 석회질 제거제, 다림질 보조제, 이물질 제거용 화학 약품이나 기타 화학 약품을 넣지 마십시오. 물이 튀거나 갈색 얼룩이 생기거나 다리미가 손상될 수 있습니다.





EN The ‘steam ready’ lights up when the steamer is plugged in and powered on to indicate that the steamer is heating up. The steamer is ready to be used approximately after 45 seconds when the light goes off.

When steam is ready, direct the steam away for a few seconds before you begin your session, as the initial steam may contain water droplets.

Always keep the steam trigger pressed during steaming.

The steaming process can create small wet spots in the garment. The garment may also be slightly damp due to the steam.

After your session, leave your garment out to dry before you keep or wear it.

MS Lampu 'stim sedia' akan menyala apabila plag penstim dipasang dan dihidupkan, ini menunjukkan yang penstim sedang dipanaskan. Penstim sedia untuk digunakan selepas kira-kira 45 saat apabila lampu terpadam.

Apabila stim sudah sedia, arahkan stim ke arah lain selama beberapa saat sebelum anda memulakan sesi anda, kerana stim awal mungkin mengandungi titisan air.

Pastikan pencetus stim sentiasa ditekan semasa penstiman.

Proses menstim boleh membentuk tompok basah kecil pada pakaian. Pakaian juga mungkin menjadi lembap sedikit disebabkan stim.

Selepas sesi anda, biarkan pakaian anda kering sebelum anda menyimpan atau memakainya.

TH ไฟ 'เครื่องพ่นไอน้ำพร้อมใช้งาน' จะติดขึ้นเมื่อเสียบปลั๊กและเปิดเครื่อง เพื่อแสดงให้ทราบว่าเครื่องพ่นไอน้ำกำลังทำความร้อนอยู่ เครื่องพ่นไอน้ำจะ

พร้อมใช้งานหลังจากผ่านไป 45 วินาทีเมื่อไฟดับลง
เมื่อไอน้ำพร้อมใช้งาน ให้พ่นไอน้ำออกสักครู่ก่อนเริ่มการใช้งาน เนื่องจากไอน้ำระยะแรกอาจมีน้ำละอองน้ำ
กดปุ่มใช้พลังไอน้ำค้างไว้ในระหว่างการพ่นไอน้ำ
กระบวนการพ่นไอน้ำสามารถทำให้มีรอยเปียกบนผ้าได้ เนื้อผ้าอาจชุ่มเล็กน้อยเนื่องจากไอน้ำ
หลังจากการพ่นไอน้ำ ปล่อยผ้าให้แห้งก่อนจัดเก็บหรือสวมใส่

VI Đèn báo 'hơi nước sẵn sàng' bật sáng khi bàn ủi hơi đã được cắm điện và bật nguồn để cho biết rằng bàn ủi hơi đang được làm nóng. Bàn ủi hơi sẵn sàng để sử dụng sau khoảng 45 giây khi đèn tắt.

Khi hơi nước đã sẵn sàng, trỏ hơi nước ra xa trong vài giây trước khi bắt đầu ủi, vì hơi nước ban đầu có thể chứa nước đọng thành giọt.

Luôn ấn nút bấm hơi nước trong khi ủi hơi.

Quy trình ủi hơi có thể tạo ra các vết ướt nhỏ trên quần áo. Quần áo cũng có thể hơi ẩm do ủi hơi.

Sau khi ủi hơi, hãy để quần áo khô trước khi cất đi hoặc mặc quần áo.

TC 如果蒸氣機插電且電源開啟時「蒸氣就緒」指示燈亮起，即表示蒸氣機正在加熱中。當指示燈熄滅約 45 秒後，就可以開始使用蒸氣機。

由於初始蒸氣可能含有水滴，因此蒸氣準備好時，請先將蒸氣導向他處幾秒，再開始蒸燙。

在蒸氣熨燙的過程中，請持續按住蒸氣觸動器。

在蒸氣熨燙的過程中，衣物可能會出現小水印。衣物也可能因為蒸氣而略顯潮溼。

蒸燙後，請將衣物晾乾後再行收納或穿著。

SC 蒸汽挂烫机插入电源插头后，“蒸汽就绪”指示灯亮起，表示蒸汽挂烫机正在加热。指示灯大约 45 秒后熄灭，表示蒸汽挂烫机准备就绪。

蒸汽就绪后，请将蒸汽朝向其它方向几秒钟然后再开始熨烫，因为开始的蒸汽可能包含水滴。

在蒸汽熨烫期间，请持续按下蒸汽开关。

蒸汽熨烫过程可能在衣物上留下小湿点。衣物也会因为蒸汽而造成轻微潮湿。

熨烫之后，请让衣物干燥后再收起或穿着。

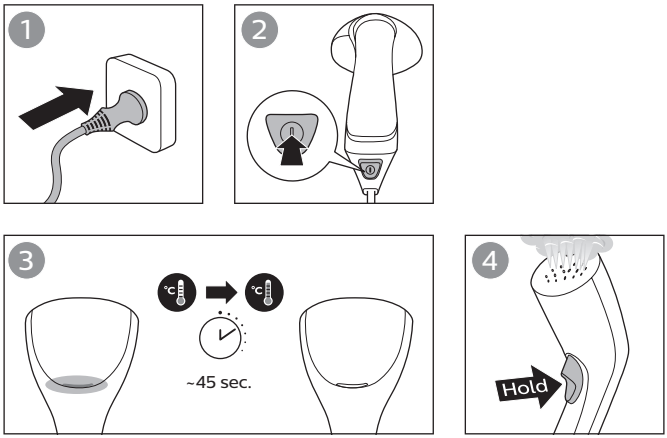
KO 다리미가 전원에 연결되어 가열되는 중임을 표시하기 위해 '스팀 준비' 표시등이 켜집니다. 약 45초 후 표시등이 꺼지면 다리미를 사용할 준비가 다 된 것입니다.

스팀을 처음 분사하면 물방울이 떨어질 수 있습니다. 스팀 다리미를 사용할 준비가 되면 다림질을 시작하기 전에 몇 초간 스팀을 다른 곳에 분사해 보십시오.

스팀 다림질을 하는 동안에는 스팀 버튼을 계속 누르고 계십시오.

스팀 다림질을 하면 옷에 약간의 젖은 얼룩이 생길 수 있습니다. 또한 스팀을 분사하면 옷이 약간 축축해진 느낌이 들 수 있습니다.

스팀 다림질을 한 후에는 옷을 보관하거나 입기 전에 건조시키십시오.





EN Put the glove on the hand you are using to hold a garment. The glove protects your hand against the steam from the steamer head.

MS Pakai sarung tangan pada tangan yang anda gunakan untuk memegang pakaian. Sarung tangan melindungi tangan anda daripada stim yang keluar daripada kepala penstim.

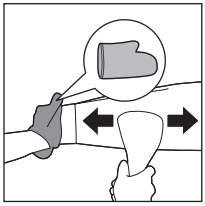
TH สวมถุงมือข้างที่คุณใช้จับผ้า ถุงมือจะปกป้องมือของคุณจากไอน้ำที่พ่นออกมาจากหัวพ่นไอน้ำ

VI Đeo găng vào tay bạn định dùng để giữ quần áo. Găng tay bảo vệ bàn tay của bạn tránh khỏi hơi nước thoát ra từ đầu bàn ủi hơi.

TC 將手套穿戴在要固定衣物的那一隻手。手套可以保護您的手不被蒸氣噴頭的蒸氣燙傷。

SC 将防烫手套戴在拿着衣物的手上。防烫手套可保护您的手不被蒸汽喷头所喷出的蒸汽烫伤。

KO 옷감을 잡는 손에는 장갑을 끼십시오. 장갑이 스티머 헤드에서 나오는 스팀으로부터 손을 보호해 줍니다.





EN The brush attachment improves steam penetration to achieve faster and better steaming result on thick and heavy garment such as coat and jacket. Brush is to be used together with steam by pressing the steam trigger and slowly moving the bristles along the garment.

Note: Always unplug the steamer before you attach or detach the brush attachment. Be careful, the steamer head may still be hot.

MS Alat tambahan berus menambah baik penembusan stim untuk mencapai hasil penstiman yang lebih cepat dan lebih baik pada pakaian tebal dan berat seperti kot dan jaket. Berus perlu digunakan bersama stim dengan menekan picu stim sambil menggerakkan bulu kejur pada pakaian dengan perlahan.

Nota: Cabut plag penstim setiap kali sebelum anda memasang atau menanggalkan alat tambahan berus. Berhati-hati, kepala penstim mungkin masih panas.

TH อุปกรณ์แปรงทำให้ไอน้ำสามารถแทรกไปในเนื้อผ้าที่หนาและหนักได้ดีขึ้น ซึ่งช่วยให้รีดได้เรียบและเร็วยิ่งขึ้น เช่น เสื้อโค้ทและแจ็คเก็ต ควรใช้งานแปรงพร้อมกับไอน้ำโดยกดปุ่มใช้พลังไอน้ำแล้วเคลื่อนแปรงบนเสื้อผ้าอย่างช้าๆ

หมายเหตุ: ถอดปลั๊กเครื่องทำไอน้ำเสมอก่อนที่คุณจะติดตั้งหรือถอดอุปกรณ์แปรง โปรดระมัดระวังเพราะหัวพ่นไอน้ำอาจยังร้อนอยู่

VI Phụ kiện bàn chải cải thiện sự thâm sâu của hơi nước để đạt được hiệu quả ủi hơi nhanh hơn và tốt hơn trên vải dày và nặng như áo choàng và áo vét. Bàn chải được sử dụng kèm với hơi nước bằng cách ấn nút bấm hơi nước và di chuyển các sợi lông bàn chải từ từ dọc theo quần áo.

Lưu ý: Luôn rút phích cắm của bàn ủi hơi trước khi lắp hoặc tháo phụ kiện bàn chải. Cẩn thận, đầu bàn ủi hơi có thể vẫn còn nóng.

TC 毛刷配件可幫助蒸氣深入滲透至衣料中，對於大衣與外套等厚重衣物能更快達到更好的效果。毛刷應與蒸氣搭配使用，方法是按下蒸氣觸動器，並讓刷毛沿著衣物緩慢移動。

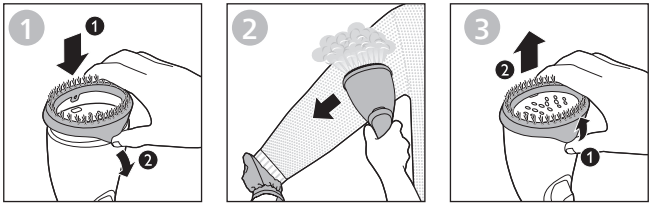
備註：在安裝或拆除毛刷配件之前，請務必先拔掉蒸氣機的電源插頭。請小心，蒸氣噴頭可能還是很燙。

SC 毛刷附件可以改善蒸汽渗透率，从而快速在外套、夹克等厚重衣物上获得更出色的熨烫效果。毛刷旨在与蒸汽搭配使用，方法是按下蒸汽开关，然后沿着衣物慢慢地移动刷毛。

注意：在安装或拆卸毛刷附件之前，请务必拔掉蒸汽挂烫机的电源插头。注意，蒸汽喷头可能仍很烫。

KO 브러시 액세서리는 스팀의 침투력을 높여주므로 코트나 재킷과 같은 두껍고 무거운 옷감에 더 빠르고 효과적으로 스팀 다림질을 할 수 있습니다. 브러시는 스팀 버튼을 누른 상태로 옷감을 따라 브러시의 빗살을 대고 천천히 움직여 스팀과 함께 사용할 수 있습니다.

참고: 브러시 액세서리를 부착하거나 분리할 때 다리미의 전원 코드를 뽑으십시오. 스티머 헤드가 아직 뜨거울 수 있으니 조심하십시오.





EN Always empty the water tank after use, to prevent scale build-up. Rinse the water tank to remove any deposits.

Wipe any deposits off the steamer head with a damp cloth and a non-abrasive liquid cleaning agent.

Warning: Do not use scouring pads, abrasive cleaning agents or aggressive liquids such as alcohol, petrol or acetone to clean the appliance.

MS Kosongkan tangki air selepas setiap penggunaan untuk menghindarkan penokokan kerak. Bilas tangki untuk mengeluarkan sebarang mendakan.

Lap sebarang mendapan daripada kepala penstim dengan kain lembap dan agen pencuci cecair tidak melelas.

Amaran: Jangan gunakan pad penyental, agen pembersih yang melelas atau cecair yang agresif seperti alkohol, petrol atau aseton untuk membersihkan perkakas.

TH เทน้ำออกจากแท้งค์น้ำเมื่อใช้งานเสร็จทุกครั้ง เพื่อป้องกันการเกิดตะกรันสะสม ล้างแท้งค์น้ำเพื่อขจัดคราบสกปรกออก

เช็ดคราบสกปรกออกจากหัวพ่นไอน้ำด้วยผ้าชุบน้ำหมาดและน้ำยาทำความสะอาดที่ไม่ทำให้เกิดการกัดกร่อน

คำเตือน: ห้ามใช้แผ่นใย อุปกรณ์ที่มีความคม หรือของเหลวที่มีฤทธิ์รุนแรง เช่น แอลกอฮอล์ น้ำมัน หรืออะซีโทน ทำความสะอาดเครื่องเป็นอันขาด

VI Luôn đổ hết nước ra khỏi ngăn chứa nước sau khi sử dụng, để ngăn

ngừa sự hình thành cặn vôi. Rửa sạch ngăn chứa nước để loại bỏ chất cặn.

Lau sạch các chất bụi bẩn khỏi đầu bàn ủi hơi bằng một miếng vải ẩm và chất tẩy rửa không mang tính ăn mòn.

Lưu ý: Không sử dụng miếng tẩy rửa, chất tẩy rửa có tính ăn mòn hoặc những chất lỏng mạnh như là cồn, xăng hoặc axeton để lau chùi thiết bị.

TC 使用後，請務必清空水箱，以免水垢堆積。沖洗水箱，去除任何沉積物。

請使用濕布和非磨蝕性的液態清潔劑，擦掉蒸氣噴頭上的任何沉積物。

警告：請勿使用鋼絲絨、磨蝕性清潔劑或侵蝕性液體 (例如酒精、汽油或丙酮) 清潔本產品。

SC 请务必在使用后倒空水箱，以防止积聚水垢。冲洗水箱以去除任何沉积物。

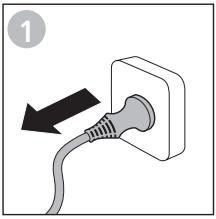
用湿布和非腐蚀性液体清洁剂擦去蒸汽喷头中的任何沉积物。

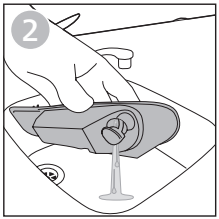
警告： 切勿使用钢丝绒、研磨性清洁剂或腐蚀性液体（例如酒精、汽油或丙酮）来清洁产品。

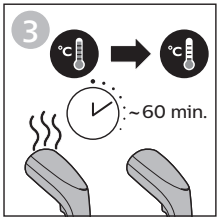
KO 사용 후에는 항상 물탱크를 비워 석회질 축적을 방지하십시오. 물탱크를 헹궈 불순물을 제거하십시오.

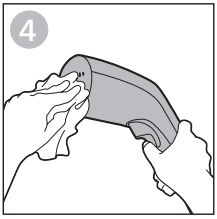
젖은 천에 비마모성 액체 세제를 묻혀 스티머 헤드에 묻은 불순물을 닦아내십시오.

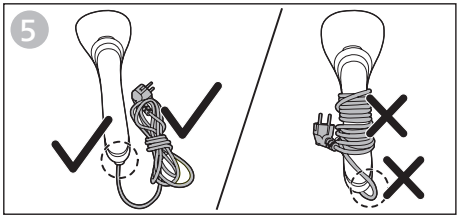
경고: 제품을 세척할 때 수세미, 연마성 세제나 알콜, 휘발유, 아세톤과 같은 강력 세제를 사용하지 마십시오.


1


2


3
°C
°C
~60 min.


4


5

?

	Problem	Possible cause	Solution
EN	The steamer does not heat up.	The steamer is not plugged in properly or not switched on.	Check if the mains plug is inserted properly and its wall socket is working. Check if the steamer is switched on.
	The steamer does not produce any steam.	The steamer is not plugged in properly or not switched on.	Check if the mains plug is inserted properly and its wall socket is working. Check if the steamer is switched on.
		The steamer has not heated up sufficiently.	Let the steamer heat up for 45 seconds (steam-ready lights up). The steamer is ready to be used when the light goes off.
		You have not pressed the steam trigger fully.	Press the steam trigger fully for a few seconds.
		The water level in the water tank is too low.	Unplug the steamer and refill the water tank.
		The water tank is not in place.	Insert the water tank properly.

Problem	Possible cause	Solution
Water droplets drip from the steamer head.	The steamer has not heated up sufficiently.	Let the steamer heat up for 45 seconds (steam-ready lights up). The steamer is ready to be used when the light goes off.
The steamer produces a pumping sound/ the handle vibrates.	Water is pumped to the steamer head to be converted into steam.	This is normal.
	Water inside the tank has all been used up.	Refill the water tank.
Water leaks from the water tank.	Water tank filling door is not closed properly	Ensure that filling door is closed properly.
Steam leaves stains on the garment or impurities come out of the steamer head	Apart from tap water, you have filled other liquids / additives or descaling agents into the water tank.	Use only tap, demineralized or filtered water when filling up the water tank.

	Masalah	Penyebab yang mungkin	Penyelesaian
MS	Penstim tidak memanas.	Plag penstim tidak dipasang dengan betul atau tidak dihidupkan.	Pastikan plag sesalur kuasa dimasukkan dengan betul ke dalam soket dinding dan soket dinding itu berfungsi dengan betul. Pastikan penstim dihidupkan.
	Penstim tidak menghasilkan sebarang stim.	Plag penstim tidak dipasang dengan betul atau tidak dihidupkan.	Pastikan plag sesalur kuasa dimasukkan dengan betul ke dalam soket dinding dan soket dinding itu berfungsi dengan betul. Pastikan penstim dihidupkan.
		Penstim tidak memanas dengan secukupnya.	Biarkan penstim menjadi panas selama 45 saat (lampu stim sedia akan menyala). Penstim sedia untuk digunakan apabila lampu terpadam.
		Anda tidak menekan pencetus stim sepenuhnya.	Tekan pencetus stim sepenuhnya selama beberapa saat.
		Paras air di dalam tangki terlalu rendah.	Cabut plag penstim dan isi semula tangki air.

Masalah	Penyebab yang mungkin	Penyelesaian
	Tangki air tiada di tempatnya.	Masukkan tangki air dengan betul.
Titisan air menitik dari kepala penstim.	Penstim tidak memanas dengan secukupnya.	Biarkan penstim menjadi panas selama 45 saat (lampu stim sedia akan menyala). Penstim sedia untuk digunakan apabila lampu terpadam.
Penstim menghasilkan bunyi mengepam/ pemegang bergetar.	Air dipamkan ke kepala penstim untuk ditukarkan kepada stim.	Ini perkara biasa.
	Air di dalam tangki telah habis.	Isi semula tangki air.
Air menitis dari tangki air.	Penutup pengisi tangki air tidak ditutup dengan betul	Pastikan penutup pengisi tangki ditutup dengan betul.
Stim meninggalkan tanda pada pakaian atau kotoran keluar daripada kepala penstim	Selain air paip, anda telah mengisikan cecair / bahan tambahan atau agen penanggal kerak ke dalam tangki air.	Gunakan hanya air paip tanpa mineral atau yang telah ditapis untuk mengisi tangki air.

?

	ปัญหา	สาเหตุที่เป็นไปได้	การแก้ปัญหา
TH	เครื่องพ่นไอน้ำไม่ทำความร้อน	เครื่องพ่นไอน้ำอาจเสียบปลั๊กไม่ถูกต้องหรือไม่ได้เปิดอยู่	ให้ตรวจสอบว่าได้เสียบปลั๊กไฟอย่างถูกต้องและเต้ารับบนผนังใช้งานได้หรือไม่ ให้ตรวจสอบว่าเครื่องพ่นไอน้ำเปิดอยู่หรือไม่
	เครื่องพ่นไอน้ำไม่สร้างไอน้ำ	เครื่องพ่นไอน้ำอาจเสียบปลั๊กไม่ถูกต้องหรือไม่ได้เปิดอยู่	ให้ตรวจสอบว่าได้เสียบปลั๊กไฟอย่างถูกต้องและเต้ารับบนผนังใช้งานได้หรือไม่ ให้ตรวจสอบว่าเครื่องพ่นไอน้ำเปิดอยู่หรือไม่
		หัวพ่นไอน้ำยังร้อนไม่พอ	ปล่อยให้เครื่องพ่นไอน้ำทำความร้อนประมาณ 45 วินาที (ไฟไอน้ำพร้อมใช้งานติดขึ้น) เครื่องพ่นไอน้ำจะพร้อมใช้งานเมื่อไฟดับลง
		คุณอาจไม่ได้กดปุ่มใช้พลังไอน้ำลงจนสุด	กดปุ่มใช้พลังไอน้ำลงจนสุดค้างไว้สักครู่
		แท้งค์น้ำมีระดับน้ำต่ำเกินไป	ถอดปลั๊กเครื่องพ่นไอน้ำแล้วเติมน้ำลงในแท้งค์น้ำ
		แท้งค์น้ำถูกประกอบไม่เข้าที่	ประกอบแท้งค์น้ำให้เข้าที่

ปัญหา	สาเหตุที่เป็นไปได้	การแก้ปัญหา
น้ำหยดออกจากหัวพ่นไอน้ำ	หัวพ่นไอน้ำยังร้อนไม่พอ	ปล่อยให้เครื่องพ่นไอน้ำทำความร้อนประมาณ 45 วินาที (ไฟไอน้ำพร้อมใช้งานติดขึ้น) เครื่องพ่นไอน้ำจะพร้อมใช้งานเมื่อไฟดับลง
เครื่องพ่นไอน้ำมีเสียงสูบน้ำ/ด้ามจับสั่น	น้ำจะถูกสูบไปที่หัวพ่นไอน้ำเพื่อเปลี่ยนเป็นไอน้ำ	เป็นเหตุการณ์ปกติ
	น้ำภายในแท้งค์ถูกใช้จนหมด	เติมน้ำในแท้งค์
มีน้ำรั่วออกมาจากแท้งค์น้ำ	ปิดฝาแท้งค์น้ำไม่ถูกต้อง	ตรวจดูให้แน่ใจว่าฝาเติมน้ำปิดสนิท
ไอน้ำทิ้งคราบบนเสื้อผ้าหรือมีสิ่งสกปรกออกมาจากหัวพ่นไอน้ำ	นอกจากน้ำประปา คุณสามารถเติมของเหลว / สารเติมแต่งหรือสารขจัดตะกรันในแท้งค์น้ำ	เมื่อเติมน้ำลงในแท้งค์ ให้ใช้เฉพาะน้ำประปา น้ำปราศจากไอออน หรือน้ำที่ผ่านการกรองแล้วเท่านั้น

?

	Sự cố	Nguyên nhân có thể	Giải pháp
VI	Bàn ủi hơi không nóng lên.	Bàn ủi hơi không được cắm điện đúng cách hoặc không bật.	Kiểm tra xem phích cắm điện có được cắm đúng cách không và xem ổ điện có hoạt động không. Kiểm tra xem bàn ủi hơi có được bật chưa.
	Bàn ủi hơi không phun hơi nước.	Bàn ủi hơi không được cắm điện đúng cách hoặc không bật.	Kiểm tra xem phích cắm điện có được cắm đúng cách không và xem ổ điện có hoạt động không. Kiểm tra xem bàn ủi hơi có được bật chưa.
		Bàn ủi hơi vẫn chưa đủ nóng.	Để bàn ủi hơi làm nóng lên trong 45 giây (đèn báo hơi nước sẵn sàng bật sáng). Bàn ủi hơi sẵn sàng để sử dụng khi đèn tắt.
		Bạn vẫn chưa ấn nút bấm hơi nước hoàn toàn.	Ấn nút bấm hơi nước hoàn toàn trong vài giây.
		Mức nước trong ngăn chứa nước quá thấp.	Rút phích cắm của bàn ủi hơi và đổ nước vào ngăn chứa nước.
		Ngăn chứa nước không ở đúng vị trí.	Lắp ngăn chứa nước đúng cách.

Sự cố	Nguyên nhân có thể	Giải pháp
Nước nhỏ giọt từ đầu bàn ủi.	Bàn ủi hơi vẫn chưa đủ nóng.	Để bàn ủi hơi làm nóng lên trong 45 giây (đèn báo hơi nước sẵn sàng bật sáng). Bàn ủi hơi sẵn sàng để sử dụng khi đèn tắt.
Bàn ủi hơi phát ra tiếng kêu ộp oạp/ tay cầm rung.	Nước được bơm đến đầu bàn ủi hơi để chuyển thành hơi nước.	Đây là hiện tượng bình thường.
	Nước bên trong ngăn chứa nước đã được sử dụng hết.	Đổ nước vào ngăn chứa nước.
Nước rỉ ra từ ngăn chứa nước.	Cửa châm ngăn chứa nước không được đóng đúng cách	Đảm bảo cửa châm nước được đóng đúng cách.
Hơi nước để lại các vết ô trên vải hoặc có chất cặn thoát ra từ đầu bàn ủi	Ngoài nước máy ra, bạn đã thêm dung dịch / chất phụ gia hoặc chất tẩy cặn khác vào ngăn chứa nước.	Chỉ sử dụng nước máy, nước đã lọc hoặc đã khử khoáng khi châm nước vào ngăn chứa nước.

?

	問題	可能原因	解決方法
TC	蒸氣機未加熱。	蒸氣機未正確插上電源，或電源未開啟。	檢查電源插頭是否正確插上，以及插座供電正常。 檢查蒸氣機電源是否已開啟。
	蒸氣機不會產生蒸氣。	蒸氣機未正確插上電源，或電源未開啟。	檢查電源插頭是否正確插上，以及插座供電正常。 檢查蒸氣機電源是否已開啟。
		蒸氣機加熱溫度不夠。	讓蒸氣機加熱 45 秒 (蒸氣就緒指示燈亮起)。當指示燈熄滅時，就可以開始使用蒸氣機。
		您尚未完全按下蒸氣觸動器。	將蒸氣觸動器完全按到底數秒。
		水箱內的水位過低。	拔除蒸氣機插頭，並添加水箱內的水。
		水箱沒有正確裝入。	將水箱妥善裝入。
	蒸氣噴頭會滴水。	蒸氣機加熱溫度不夠。	讓蒸氣機加熱 45 秒 (蒸氣就緒指示燈亮起)。當指示燈熄滅時，就可以開始使用蒸氣機。

問題	可能原因	解決方法
蒸氣機發出汲水聲音/握把震動。	水正被送往蒸氣噴頭轉換成蒸氣。	這是正常現象。
	水箱內的水用光了。	加水至水箱。
水箱漏水。	水箱注水口沒有關好	確認注水口確實關妥。
蒸氣在衣物上留下汙漬，或是蒸氣噴頭噴出雜質	除了自來水以外，您在水箱中加入了其他液體/添加劑或除垢劑。	幫進水箱加水時，只能使用自來水、軟化水或過濾水。

?

	问题	可能的原因	解决方法
SC	蒸汽挂烫机不能加热。	蒸汽挂烫机未正确插入电源插头或未打开电源。	检查电源插头是否正确插入，以及墙壁插座是否正常工作。 确保是否已打开蒸汽挂烫机。
	蒸汽挂烫机没有产生蒸汽。	蒸汽挂烫机未正确插入电源插头或未打开电源。	检查电源插头是否正确插入，以及墙壁插座是否正常工作。 确保是否已打开蒸汽挂烫机。
		蒸汽挂烫机未充分加热。	让蒸汽挂烫机加热 45 秒（蒸汽就绪指示灯亮起）。指示灯熄灭后，表示蒸汽挂烫机准备就绪。
		您没有完全按下蒸汽开关。	完全按下蒸汽开关数秒钟。
		水箱中的水位太低。	拔掉蒸汽挂烫机的电源插头，然后为水箱加水。
		水箱没有放好。	请正确插入水箱。

问题	可能的原因	解决方法
有水滴从蒸汽喷头中滴出。	蒸汽挂烫机未充分加热。	让蒸汽挂烫机加热 45 秒（蒸汽就绪指示灯亮起）。指示灯熄灭后，表示蒸汽挂烫机准备就绪。
蒸汽挂烫机会产生抽水声/手柄震动。	水被抽到蒸汽喷头以转化为蒸汽。	这是正常的。
	水箱内的水已全部用完。	为水箱加水。
水箱漏水。	水箱注水门未关好	确保注水门已正确关闭。
蒸汽在衣物上留下污渍，或蒸汽喷头中掉出杂质	除了自来水外，您在水箱中注入了其它液体/添加剂或除垢剂。	在加注水箱时，请仅使用自来水、软化水或过滤水。

?

	문제점	예상 원인	해결책
KO	다리미가 예열되지 않습니다.	다리미의 플러그가 꽂혀 있지 않거나 전원이 켜져 있지 않습니다.	전원 플러그가 제대로 꽂혀있으며 벽면 콘센트가 작동하는지 확인하십시오. 다리미가 켜져 있는지 확인하십시오.
	다리미에서 스팀이 나오지 않습니다.	다리미의 플러그가 꽂혀 있지 않거나 전원이 켜져 있지 않습니다.	전원 플러그가 제대로 꽂혀있으며 벽면 콘센트가 작동하는지 확인하십시오. 다리미가 켜져 있는지 확인하십시오.
		다리미가 충분히 뜨거워지지 않았습니다.	다리미가 예열될 때까지 45초간 기다립니다(스팀 준비 표시등 켜짐). 표시등이 꺼지면 다리미를 사용할 준비가 다 된 것입니다.
		스팀 버튼을 제대로 누르지 않았습니다.	스팀 버튼을 몇 초간 꾹 누르고 있습니다.
		물탱크의 수위가 너무 낮습니다.	다리미의 전원 코드를 뽑고 물탱크를 다시 채우십시오.

문제점	예상 원인	해결책
	물탱크가 제대로 장착되지 않았습니다.	물탱크를 제대로 끼우십시오.
스티머 헤드에서 물방울이 떨어집니다.	다리미가 충분히 뜨거워지지 않았습니다.	다리미가 예열될 때까지 45초간 기다립니다(스팀 준비 표시등 켜짐). 표시등이 꺼지면 다리미를 사용할 준비가 다 된 것입니다.
다리미에서 펌프 소리가 나고 손잡이가 떨립니다.	물이 스티머 헤드로 공급되면서 스팀으로 변환됩니다.	정상입니다.
	탱크 내부의 물이 모두 사용되었습니다.	물탱크를 다시 채웁니다.
물 탱크에서 물이 샙니다.	물탱크 주입구 뚜껑이 제대로 닫혀 있지 않습니다.	주입구 뚜껑이 제대로 닫혀 있는지 확인합니다.
스팀 시 옷감에 얼룩이 남거나 스티머 헤드에서 불순물이 나옵니다.	수돗물뿐만 아니라 다른 액체/첨가물 또는 석회질 제거제를 물탱크에 넣었습니다.	물탱크를 채우는 데는 수돗물, 정수 또는 여과수만 사용하십시오.

設備名稱：飛利浦蒸汽掛燙機 Equipment name:				型號（型式）：GC362 Type designation (Type):		
單元 Unit	限用物質及其化學符號					
	鉛 Lead (Pb)	汞 Mercury (Hg)	鎘 Cadmium (Cd)	六價鉻 Hexavalent chromium (Cr^{+6})	多溴聯苯 Polybrominated biphenyls (PBB)	多溴二苯醚 Polybrominated diphenyl ethers (PBDE)
電源線組	O	O	O	O	O	O
外殼塑件	O	O	O	O	O	O
水箱	O	O	O	O	O	O
開關	O	O	O	O	O	O
電磁泵	O	O	O	O	O	O
電器部件	O	O	O	O	O	O
加熱元件	O	O	O	O	O	O

備考1. “超出0.1 wt %” 及 “超出 0.01 wt %” 係指限用物質之百分比含量超出百分比含量基準值。
Note 1：“Exceeding 0.1 wt %” and “exceeding 0.01 wt %” indicate that the percentage content of the restricted substance exceeds the reference percentage value of presence condition.
備考2. “○” 係指該項限用物質之百分比含量未超出百分比含量基準值。
Note 2：“○” indicates that the percentage content of the restricted substance does not exceed the percentage of reference value of presence.
備考3. “－” 係指該項限用物質為排除項目。
Note 3：The “－” indicates that the restricted substance corresponds to the exemption.

产品中有害物质的名称及含量

部件名称	有害物质					
	铅及其化合物（Pb）	汞及其化合物（Hg）	镉及其化合物（Cd）	六价铬化合物Cr	多溴联苯（PBB）	多溴二苯醚（PBDE）
主机 Main Body	O	O	O	O	O	O
电源线 Power cord	x	O	O	O	O	O
毛刷 Brush	O	O	O	O	O	O
水杯 Cup	O	O	O	O	O	O
手套 Gloves	O	O	O	O	O	O

本表格依据 SJ/T 11364 的规定编制。
○：表示该有害物质在该部件所有均质材料中的含量均在 GB/T 26572 规定的限量要求以下。
×：表示该有害物质至少在该部件的某一均质材料中的含量超出 GB/T 26572 规定的限量要求。

*该表格中所显示的“有害物质”在产品正常使用情况下不会对人身和环境产生任何伤害。
*该表格中所显示的“有害物质”及其存在的部件向消费者和回收处理从业者提供相关物质的存在信息，有助于产品废弃时的妥善处理。

PHILIPS

产品：飞利浦手持式蒸汽挂烫刷
型号：GC360, GC361
额定电压：220 V ~
额定频率：50 Hz
额定输入功率：1200 W
生产日期：请见产品本体
产地：中国浙江慈溪

飞利浦家电（中国）投资有限公司
上海市静安区灵石路728弄20号201室
全国顾客服务热线: 4008 800 008

本产品根据国标 GB4706.1-2005, GB4706.84-2007 制造

PHILIPS

产品：飞利浦手持式蒸汽挂烫刷
型号：GC362, GC363
额定电压：220 V ~
额定频率：50 Hz
额定输入功率：1300 W
生产日期：请见产品本体
产地：中国浙江慈溪

飞利浦家电（中国）投资有限公司
上海市静安区灵石路728弄20号201室
全国顾客服务热线: 4008 800 008

本产品根据国标 GB4706.1-2005, GB4706.84-2007 制造


www.philips.com/support



© 2022 Philips Domestic Appliances Holding B.V.
All rights reserved.

4239.001.0963.6 (13/05/2022)